TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **01**/2021/DS-ST
Ngày: 08/01/2021
V/v T/C Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Đa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Khanh.

2. Ông Trần Xươnne.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Luyến – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Bà Đặng Xuân Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 08/01/2021, tại phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 212/2020/TLST-DS ngày 05/8/2020 về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 366/2020/QĐXXST- DS ngày 30/11/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 212/2020/QĐST-DS ngày 16/12/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP B**, địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà C, số X, Phường C, quận H, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S, chức vụ: Tổng giám đốc ủy quyền cho ông Lê Chí L, Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Sóc Trăng, theo Quyết định số 6650/2017/QĐ-TGĐ ngày 20/06/2017 của Tổng Giám đốc "Vv: Ủy quyền thực hiện hoạt động tố tụng đối với Giám đốc Chi nhánh". Ông Lê Chí L ủy quyền cho ông Huỳnh Thanh H theo Quyết định số Y ngày 15/7/2020 (ông H có mặt).

2. Bị đơn: Ông **Tôn Văn T**, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện K, Tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau: Theo đơn khởi

kiện ngày 15/7/2020, trong quá trình giải quyết vụ án, phía Ngân hàng TMCP B trình bày: Ông Tôn Văn T vay vốn tại Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Sóc Trăng, địa chỉ tại số X1, phường X2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, cụ thể như sau:

** Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 778/2016/HĐTD/CNSocTrang ký ngày 21/07/2016 :*

Số tiền vay: 300.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm triệu đồng); Thời hạn vay: 60 tháng; Phương thức cho vay: Từng lần. Kỳ hạn trả nợ gốc: Gốc được chia làm 60 kỳ, 59 kỳ đầu mỗi kỳ trả 5.000.000 đồng, cố định vào ngày 10 hàng tháng. Kỳ cuối trả 5.000.000 đồng vào ngày hợp đồng tín dụng hết hạn. Kỳ hạn trả lãi: Lãi vay được trả vào ngày 10 cùng với tiền gốc, lãi vay tính trên dư nợ thực tế. Ngày trả nợ cuối cùng: 21/07/2021. Mục đích sử dụng vốn: Tiêu dùng hợp pháp. Lãi suất cho vay: 12%/năm. Áp dụng trong 03 tháng đầu. Phương thức áp dụng lãi suất cho vay Lãi suất thả nổi: Là lãi suất được điều chỉnh quy định của ngân hàng. Cụ thể như sau: LS_{CV}= $LS_{TK\ 13\ tháng}$ + Margin (LS_{cv}: Là lãi suất cho vay áp dụng đối với Khách hàng; Margin: Là biên độ lãi suất cho vay đối với Khách hàng; $LS_{TK\ 13\ Tháng}$: Là lãi suất huy động tiết kiệm thưởng cao nhất kỳ hạn 13 tháng, lãi trả cuối kỳ của Ngân hàng TMCP B dành cho khách hàng cá nhân tại thời điểm áp dụng/ điều chỉnh lãi suất). Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là: Cho vay không tài sản đảm bảo

** Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số HDTD480201700719 ký ngày 16/08/2017:*

Số tiền vay 60.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu mươi triệu đồng); Thời hạn vay: Từ ngày 16/08/2017 đến hết ngày 15/08/2022; Phương thức cho vay: Cho vay từng lần; Kỳ hạn trả nợ gốc: Gốc được chia làm 60 kỳ, 59 kỳ đầu mỗi kỳ trả 1.000.000 đồng, cố định vào ngày 10 hàng tháng. Kỳ cuối trả 1.000.000 đồng vào ngày hợp đồng tín dụng hết hạn; Kỳ hạn trả lãi: Lãi vay được trả vào ngày 05 cùng với tiền gốc, lãi vay tính theo dư nợ thực tế; Ngày trả nợ cuối cùng: 15/08/2022. Mục đích sử dụng vốn: Sửa chữa nhà ở và mua sắm đồ gia dụng. Lãi suất cho vay: 12,5%/năm. Phương thức áp dụng và điều chỉnh lãi suất: Áp dụng lãi suất theo phương thức lãi suất định kỳ thay đổi trong thời hạn cho vay, theo đó: Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần. Theo đó, lãi suất cho vay tại thời điểm điều chỉnh được xác định như sau: LS_{cv} = $LS_{TK\ 13\ tháng}$ + Margin (LS_{cv}: Là lãi suất cho vay áp dụng đối với Khách hàng; Margin: Là biên độ lãi suất cho vay đối với Khách hàng; $LS_{TK\ 13\ tháng}$: Là lãi suất huy động tiết kiệm thường cao nhất kỳ hạn 13 tháng, lãi trả cuối kỳ của Ngân hàng TMCP B dành cho khách hàng cá nhân tại thời điểm áp dụng/điều chỉnh lãi suất. Lãi suất nợ gốc quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất nợ lãi chậm trả bằng 10%/năm. Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là: Cho vay không tài sản đảm bảo

** Quá trình đôn đốc, thu hồi nợ:* Quá trình thực hiện Hợp đồng, ông Tôn Văn T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng TMCP B và phía Ngân hàng cũng đã đến nơi làm việc và đến nhà đôn đốc, gửi thông báo nợ quá hạn nhưng khách hàng vẫn không thanh toán nợ.

Cụ thể, ông Tôn Văn T đã vi phạm điều 9 tại Hợp đồng tín dụng số 778/2016/HĐTD/CNSocTrang ký ngày 21/07/2016 và Hợp đồng tín dụng số HDTD880201700719 ký ngày 16/08/2017. Khách hàng đã không thanh toán nợ từ ngày 11/05/2020, với tổng số tiền tạm tính đến ngày 08/01/2021 là 113.149.129 đồng, cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng số 778/2016/HĐTD/CNSocTrang ký ngày 21/07/2016 là 82.433.744 đồng. Trong đó: nợ gốc 75.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 4.780.692 đồng: Lãi quá hạn: 2.653.052 đồng.

Hợp đồng tín dụng số HDTD880201700719 ký ngày 16/08/2017 là 30.715.385 đồng. Trong đó: nợ gốc 28.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 2.116.094 đồng; Lãi quá hạn: 523.292 đồng, lãi chậm trả: 75.999 đồng).

Nay Ngân hàng TMCP B yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/ Buộc ông Tôn Văn T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ ngay cho Ngân hàng TMCP B với tổng số tiền tạm tính đến ngày 08/01/2021 là 113.149.129 đồng đối với Hợp đồng tín dụng số 778/2016/HĐTD/CNSocTrang ký ngày 21/07/2016 và Hợp đồng tín dụng số HDTD880201700719 ký ngày 16/08/2017.

2/ Trong thời gian chưa thanh toán nợ, yêu cầu ông Tôn Văn T phải chịu lãi suất quá hạn theo quy định của pháp luật cho đến khi tất toán khoản vay đối với Hợp đồng tín dụng số HDTD880201700719 ký ngày 16/08/2017. Ngân hàng thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông Tôn Văn T phải chịu lãi suất quá hạn đối với Hợp đồng tín dụng số 778/2016/HĐTD/CNSocTrang ký ngày 21/07/2016.

Đối với bị đơn ông Tôn Văn T: Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết cho đến nay, ông T không tham gia tố tụng nên Tòa án không thể thu thập được lời khai và ý kiến của ông T.

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Đối với bị đơn: Không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Xét thấy việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc không yêu cầu ông T trả lãi chậm trả đối với hợp đồng 778 ký ngày 21/7/2016 không vượt qua phạm vi khởi kiện ban đầu và phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật dân sự 2015.

Ngày 21/7/2016, ông Tôn Văn T có ký Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP B để vay số tiền là 300.000.000 đồng. Ngày 16/8/2017 ông Tôn Văn T có ký Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP B để vay số tiền là 60.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng thì ông T đã không thực hiện trả nợ cho Ngân hàng. Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án thì ông T không có mặt ở địa phương, Tòa án đã niêm yết các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật.

Xét thấy Hợp đồng tín dụng đã được ký kết giữa các bên là sự thoả thuận trên tinh thần tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật, khi giao kết hợp đồng hai bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nên hợp đồng này được bảo vệ theo quy định của pháp luật. Trong quá trình thực hiện hợp đông, ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng như đã thỏa thuận. Do đó, ông T có nghĩa vụ trả nợ tiền vốn vay, lãi suất theo yêu cầu khởi kiện của ngân hàng. Tổng số tiền Ngân hàng tạm tính đến ngày 08/1/2020 là 113.149.129 đồng, cụ thể: HĐ số 778 ký ngày 21/7/2016 là 82.433.744 đồng (trong đó, nợ gốc: 75.000.000 đồng, lãi trong hạn: 4.780.692 đồng, lãi quá hạn: 2.653.052 đồng); HĐTD số 880201700719/201 ký ngày 16/8/2017 là 30.715.385 đồng (trong đó, nợ gốc: 28.000.000 đồng, lãi trong hạn: 2.116.094 đồng, lãi quá hạn: 523.292 đồng, lãi chậm trả: 75.999 đồng); Ông T còn phải chịu lãi suất theo quy định của pháp luật cho đến khi tất toán khoản vay là có căn cứ chấp nhận. .

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điểm a, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 01 ngày 11/1/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét thấy tại phiên tòa bị đơn ông Tôn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

Xét thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B về việc không yêu cầu ông Tôn Văn T phải trả lãi suất quá hạn đối với Hợp đồng tín dụng số 778/2016/HĐTD/CNSocTrang ký ngày 21/07/2016. Hội đồng xét thấy yêu cầu này của Ngân hàng không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật dân sự 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Ông Tôn Văn T có vay vốn của Ngân hàng TMCP B theo Hợp đồng tín dụng số 778/2016/HĐTD/CNSocTrang ký ngày 21/07/2016 và Hợp đồng tín dụng số HDTD880201700719 ký ngày 16/08/2017. Trong quá trình thực hiện, ông T đã vi phạm Hợp đồng, không thanh toán nợ từ ngày 11/05/2020, với tổng số tiền tạm tính đến ngày 08/01/2021 là 113.149.129 đồng, cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng số 778/2016/HĐTD/CNSocTrang ký ngày 21/07/2016 là 82.433.744 đồng. Trong đó: nợ gốc 75.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 4.780.692 đồng: Lãi quá hạn: 2.653.052 đồng.

Hợp đồng tín dụng số HDTD880201700719 ký ngày 16/08/2017 là 30.715.385 đồng. Trong đó: nợ gốc 28.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 2.116.094 đồng; Lãi quá hạn: 523.292 đồng, lãi chậm trả: 75.999 đồng).

Hội đồng xét xử cho rằng Hợp đồng vay tín dụng giữa Ngân hàng TMCP B và ông Tôn Văn T được lập trên cơ sở tự nguyện của các bên, không trái đạo đức xã hội, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, khi giao kết hợp đồng, ông T là người có đủ năng lực hành vi dân sự nên giao dịch trên giữa Ngân hàng TMCP B và ông Tôn Văn T là hợp pháp. Nay ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B là có căn cứ. Hơn nữa, ông T không có ý kiến phản đối những yêu cầu trên của Ngân hàng nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 117, 463, 466 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 6, Điều 7, khoản 1 Điều 8, Điều 12, Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B, buộc ông Tôn Văn T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền vốn và lãi đã vay của Hợp đồng tín dụng số 778/2016/HĐTD/CNSocTrang ký ngày 21/07/2016 và Hợp đồng tín dụng số HDTD880201700719 ký ngày 16/08/2017, tính đến ngày 08/01/2021 là 113.149.129 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi thi hành xong khoản nợ theo mức lãi suất của hợp đồng tín dụng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Toà án chấp nhận, nên bị đơn ông ông Tôn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định là 113.149.129 đồng x 5% = 5.657.456 đồng.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 3 Điều 144, Điều 147, Điều 227, 228, khoản 1 Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 117, 463, 466 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ Điều 6, Điều 7, khoản 1 Điều 8, Điều 12, Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

TUYÊN XỬ:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn ông Tôn Văn T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền vốn và lãi đã vay đối với hai Hợp đồng tín dụng đã ký kết, tính đến ngày 08/01/2021 là 113.149.129 đồng cụ thể:

Hợp đồng tín dụng số 778/2016/HĐTD/CNSocTrang ký ngày 21/07/2016 là 82.433.744 đồng. Trong đó: nợ gốc 75.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 4.780.692 đồng: Lãi quá hạn: 2.653.052 đồng.

Hợp đồng tín dụng số HDTD880201700719 ký ngày 16/08/2017 là 30.715.385 đồng. Trong đó: nợ gốc 28.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 2.116.094 đồng; Lãi quá hạn: 523.292 đồng, lãi chậm trả: 75.999 đồng.

Kể từ ngày 09/01/2021, ông Tôn Văn T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hai hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP B thì lãi suất mà ông Tôn Văn T phải chịu theo bản án, quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP B.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Tôn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5.657.456 đồng.

Ngân hàng TMCP B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.660.000 đồng từ Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004324 ngày 03/8/2020 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã thu.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a ,7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Linh Đa